

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 229/2023/DS-PT

Ngày: 18/4/2023

V/v tranh chấp "Hợp đồng đòi tài sản, vay tài sản và chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải**.

Các Thẩm phán:

Ông **Lê Thanh V ân**;

Ông **Võ Ngọc Giàu**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Chí Thành** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 và 18 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng đòi tài sản, vay tài sản và chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 402/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phan Thị N, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Theo giấy ủy quyền được công chứng, chứng thực ngày 05/10/2020 (BL 05))

2. Bị đơn:

2.1 Nguyễn Thị M, sinh năm 1957; (Có mặt)

2.2 Huỳnh Văn V, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, C, Tiền Giang

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Cao Duy H, sinh năm 1985; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, C, Tiền Giang.

3.2 Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1955; (Xin vắng mặt)

3.3 Huỳnh Kim Chi E, sinh năm 1993; (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, C, Tiền Giang.

3.4 Trần Thanh V, sinh năm 1988; (Xin vắng mặt)

3.5 Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1989. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, Tiền Giang.

4. Người làm chứng: Trương Thị U, sinh năm 1969; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, Tiền Giang.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn Phan Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

- *Nguyên đơn Bà Phan Thị N trình bày:*

Bà N và bà M, anh V là hàng xóm, bà M có kể cho Bà N nghe về việc bà M thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà M tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông thôn – Phòng giao dịch A nhưng không có khả năng đóng lãi. Vào ngày 02/02/2020, Bà N có cho bà M mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bà N để vay tiền của anh Cao Duy H số tiền 200.000.000 đồng để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà M. Hai bên có làm giấy mượn sổ đỏ, có bà U làm chứng và có Trưởng công an xã H chứng nhận. Bà M và anh V phải đóng tiền lãi cho anh H là 3%/ tháng. Bà N phải viết giấy mượn tiền cho anh H. Anh V có viết giấy nội dung bà M mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bà N để vay tiền trả tiền Ngân hàng, bà M có ký tên.

Sau đó, ngày 17/4/2020, anh V và bà M nói là có người đến nhà đòi nợ, do giấy chủ quyền của bà M chưa vay lại được nên ráo riết nhờ Bà N đi vay thêm rồi khi vay được tiền sẽ trả tiền cho Bà N. Bà N có mượn thêm của anh H (04 lần) số tiền 140.000.000 đồng lãi suất 3%/ tháng về đưa cho bà M. Anh V có viết giấy mượn tiền và bà M có ký tên.

Tuy nhiên, từ khi Bà N cho bà M mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay tiền cho đến nay, bà M không có đóng lãi cho Bà N, cũng không đóng lãi cho anh H nên Bà N phải thay bà M trả tiền lãi từ khi vay tiền cho đến ngày 01/10/2020. Đối với số tiền 200.000.000 đồng, số tiền lãi Bà N đã đóng là $08 \text{ tháng} \times 6.000.000 \text{ đồng/tháng} = 48.000.000 \text{ đồng}$. Bà N đã nhiều lần yêu cầu bà M vay tiền hay bán đất để trả nợ và chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bà N nhưng bà M cứ hứa hẹn mà không thực hiện. Do sợ không có khả năng đóng lãi nên Bà N đã trả đủ cho anh H số tiền 340.000.000 đồng để nhận lại giấy chủ quyền. Tổng số tiền vốn và lãi mà Bà N đã trả cho anh H là 411.000.000 đồng. Nay Bà N khởi kiện yêu cầu:

- Buộc bà Nguyễn Thị M và anh Huỳnh Văn V phải liên đới trả cho Bà N tổng số tiền là 248.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/10/2020 cho đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật, tiền lãi được tính theo mức 1,66% tháng, yêu cầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 02945 ngày 03/10/2020 giữa hộ gia đình ông Huỳnh Văn Đ với anh Trần Thanh V và chị Huỳnh Thị Kim C.

- Đối với số tiền 163.100.000đ (trong đó vốn gốc là 140.000.000đ và tiền lãi là 23.100.000đ) Bà N rút yêu cầu khởi kiện.

- *Bị đơn Bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Bà M thống nhất lời trình bày của cô H. Việc vay tiền không có mặt bà U nên bà U không phải là người làm chứng. Việc vay mượn tiền giữa anh V và Bà N tôi không biết sau đó con tôi năn nỉ tôi ký vào vào giấy thì tôi ký tên vào, tôi không biết chữ. Việc nhận tiền là giữa anh V và Bà N, tôi không nhận tiền. Chữ ký trong các biên nhận đúng là của tôi vì anh V năn nỉ, nói rằng tôi không ký thì V chết nên tôi mới ký tên vào. Nay do hoàn cảnh khó khăn, đất đai tôi đã bán hết, chỉ sống nhờ vào tiền lương của chồng tôi, nay tôi đồng ý trả cho Bà N số tiền gốc là 200.000.000 đồng, xin không trả số tiền lãi, xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông Huỳnh Văn Đ với anh V và chị C.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thanh V và Huỳnh Thị Kim C trình bày:*

Anh V và chị C không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông Huỳnh Văn Đ với Anh V và chị C với lý do lúc nhận chuyển nhượng đất thì Anh V và chị C không biết việc vay mượn của bà M và anh V đối với Bà N. Thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cũng trước việc mượn tiền và vay mượn của Bà N. Mọi sự chuyển nhượng đúng theo quy định của pháp luật nên Anh V và chị C không đồng ý việc hủy hợp đồng chuyển nhượng và yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Cao Duy H trình bày:*

Vào ngày 02/02/2020 anh có cho Bà N vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất 03%/ tháng, Bà N có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00552 ngày 15/4/2015 thuộc thửa 1863 tờ bản đồ số 1 diện tích 559,2m² tại Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Phan Thị N. Anh H có biết việc Bà N vay tiền của anh H để cho bà M và anh V vay lại để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà M hiện đang thế chấp vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn phòng giao dịch A vì bà M và anh V có đi theo Bà N đến nhà anh H để lấy tiền. Sau đó Bà N có vay thêm cho bà M và anh V số tiền 140.000.000đ (04 lần) vào ngày 17/4/2020. Đến ngày 01/10/2020 Bà N đã trả đủ tiền cho anh H và đã lấy lại giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất của Bà N. Nay Bà N khởi kiện bà M và anh V, anh H yêu cầu giải quyết theo qui định của pháp luật, anh H không có ý kiến gì khác.

- *Người làm chứng* Bà Trương Thị U trình bày:

Bà U có chứng kiến việc làm giấy cho mượn sổ đỏ giữa các bên, có bà M và anh V ký tên, còn việc giao tiền và các việc khác bà không có chứng kiến.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 402/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Áp dụng các Điều 26, 39, 40, 217, 227, 228, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng các Điều 166, 357, 468, 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng các Điều 166, 203 Luật đất đai;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 163.100.000đ của nguyên đơn Phan Thị N.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị N.

Buộc các bị đơn Nguyễn Thị M và Huỳnh Văn V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị N số tiền 342.686.400đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm đồng)

Kể từ ngày nguyên đơn Phan Thị N có đơn yêu cầu Thi hành án nếu các bị đơn Nguyễn Thị M và Huỳnh Văn V chậm trả tiền còn phải có nghĩa vụ liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo qui định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị N về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 02945 ngày 03/10/2020 giữa ông Huỳnh Văn Đ cùng vợ là bà Nguyễn Thị M, cùng thành viên trong hộ là Huỳnh Văn V, Huỳnh Kim Chi E ký tên chuyển nhượng cho anh Trần Thanh V, Huỳnh Thị Kim C thửa 240, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.030m² tại Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, nguyên đơn Phan Thị N kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà N. Hủy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ được công chứng ngày 03/10/2020 giữa ông Huỳnh Văn Đ với Trần Thanh V và Huỳnh Thị Kim C để bảo đảm cho việc thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của Bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn bà M không có ý kiến gì. Người liên quan Kim C không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của Bà N.

Các đương sự không có sự thỏa thuận giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng luật định.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên nhận xét về phiên tòa sơ thẩm nêu nhận định và quyết định nghĩa vụ trả nợ của bà M cho Bà N là mâu thuẫn, không làm rõ giá trị QSDĐ của gia đình bà M chuyển nhượng cho Anh V và chị C, không xác định rõ quan hệ giữa Bà N với bà M là hợp đồng bảo lãnh hay hợp đồng vay tài sản. Những thiếu sót này cần chứng minh đúng sự thật để giải quyết đúng pháp luật nhưng cấp phúc thẩm không khắc phục được. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 308 BLTTDS Hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án huyện C giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Nghe các đương sự trình bày và tranh luận. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án. Xét thấy:

1. Bà Phan Thị N thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đúng theo Điều 271, 272, 273, 276 của BLTTDS nên được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

2. Nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn trả lại tài sản đã vay dùng và khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các tranh chấp này thuộc thẩm quyền và phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 5; khoản 2, khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Điều 166, 280, 288, 351, 357, 463, 466, 468, 500, 501, 502, 503 của BLDS năm 2015. Điều 166, 167, 168, 170, 203 Luật đất đai.

3. Về nội dung khởi kiện và yêu cầu giải quyết:

3.1. Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, qua lời trình bày của bà Phan Thị N như sau:

Ngày 02/02/2020 Bà N có cho bà M mượn giấy chứng nhận QSDĐ do Bà N đứng tên đem thế chấp cho ông Cao Duy H vay 200.000.000 đồng với lãi xuất 3%/ tháng để bà M chuộc giấy chứng nhận QSDĐ của gia đình bà M. Khi cho mượn giấy chứng nhận QSDĐ, anh V là con bà M viết giấy mượn, có bà Trương Thị U làm chứng và trưởng công an xã H chứng nhận, bà M ký tên.

Ngày 17/4/2020 anh V và bà M tiếp tục nhờ Bà N vay thêm tiền của ông Cao Duy H 04 lần tiền bằng 140.000.000 đồng lãi xuất 3%/ tháng do anh V viết biên nhận mượn tiền, bà M ký tên.

Nhưng sau khi Bà N cho bà M, anh V mượn giấy chứng nhận QSDĐ đem thế chấp vay tiền của ông H thì không chịu trả vốn và lãi nên Bà N phải trả

thay số tiền lãi mỗi tháng là 6.000.000 đồng x 08 tháng là 48.000.000 đồng. Do sợ không có khả năng đóng lãi mãi nên Bà N đã tự trả cho ông H 340.000.000 đồng tiền vốn và lãi tổng cộng là 411.000.000 đồng để lấy lại giấy chủ quyền đất. Do nhiều lần đòi lại tiền nhưng bà M hứa hẹn mà không trả nên Bà N khởi kiện yêu cầu bà M, anh V trả cho bà 340.000.000 đồng vốn và 71.000.000 đồng tiền lãi tổng cộng là 411.000.000 đồng. (BL 09- 10)

Ngày 20/12/2020 bà Phan Thị N có đơn kiện (sửa đổi, bổ sung) với nội dung: Yêu cầu bà Nguyễn Thị M và anh Huỳnh Văn V liên đới trả cho bà 200.000.000 đồng vốn và 48.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 248.000.000 đồng nhân với mức lãi 1,66%/ tháng tính từ ngày 01/10/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa hộ gia đình Huỳnh Văn Đ với Trần Thanh V, Huỳnh Thị Kim C được công chứng ngày 03/10/2020 tại phòng công chứng Tân Phước. (BL 43)

Cũng trong ngày 20/12/2020 bà Phan Thị N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là “Xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 140.000.000 đồng và 23.100.000 đồng tiền lãi. Và tiếp tục yêu cầu bà M, anh V liên đới trả 200.000.000 đồng vốn vay và 48.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 248.000.000 đồng nhân với mức lãi 1,66%/ tháng tính từ ngày 01/10/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. (BL 41)

3.2. Bị đơn: Nguyễn Thị M trình bày: Bà không biết chữ, không biết việc anh V vay tiền của Bà N. Khi anh V con bà năn nỉ bà ký vào giấy mượn tiền nếu không ký thì anh V chết nên bà mới ký. Bà thừa nhận chữ ký trong các giấy biên nhận là của bà. Bà đồng ý trả 340.000.000 đồng vốn gốc và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ (BL 30). Bà cũng không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa hộ gia đình Huỳnh Văn Đ với Trần Thanh V, Huỳnh Thị Kim C.

3.3. Anh Trần Thanh V, chị Huỳnh Thị Kim C cũng không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ với hộ ông Huỳnh Văn Đ.

3.4. Ông Cao Duy H thừa nhận có cho Bà N vay 02 lần tiền như Bà N trình bày để Bà N cho bà M, anh V vay lại đi chuộc giấy chứng nhận QSDĐ. Đến ngày 01/10/2022 Bà N đã trả đủ số tiền cho ông H và lấy lại giấy chứng nhận QSDĐ của Bà N xong. Nay Bà N kiện bà M, anh V trả tiền cho Bà N thì ông không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án xử theo quy định của pháp luật.

Các đương sự còn lại Huỳnh Văn V, Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Kim Chi E đều vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án và không ai có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Bà N.

Sau khi Tòa sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà N thì Bà N kháng cáo. Xét yêu cầu kháng cáo của Bà N nhận thấy:

4. Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông Huỳnh Văn Đ và các thành viên trong hộ gồm Nguyễn Thị M, Huỳnh Văn V, Huỳnh Kim Chi E với Trần Thanh V, Huỳnh Thị Kim C lập ngày 03/10/2020: Phần đất chuyển nhượng là thửa 240 tờ bản đồ số 02 diện tích 1030 m² tại Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền

Giang. Hợp đồng được lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký của hai bên và được văn phòng công chứng T công chứng số: 02945 ngày 03/10/2020. (BL 64-66)

Sau khi ký hợp đồng, bên nhận chuyển nhượng đã hoàn thành thủ tục kê khai, nộp thuế, đăng ký quyền sử dụng đất, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số và sổ GCN: CS00755 ngày 13/11/2020 cho Trần Thanh V và Huỳnh Thị Kim C đúng theo quy định của Luật đất đai năm 2013. (BL 61- 63)

5. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm chị Huỳnh Thị Kim C khai chị là con gái của bà Nguyễn Thị M và ông Huỳnh Văn Đ, còn Trần Thanh V là chồng của chị. Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa cha, mẹ, anh, em chị với vợ chồng chị lập ngày 03/10/2020 do chồng chị làm, tiền chuyển nhượng bao nhiêu chị không biết. Đất chuyển nhượng vẫn do cha mẹ chị quản lý và sử dụng. Ngoài ra cha mẹ chị không còn đất đai, chỗ ở nào khác. Qua lời khai của chị Huỳnh Thị Kim C tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa Huỳnh Văn Đ, Nguyễn Thị M, Huỳnh Văn V, Huỳnh Kim Chi E ký ngày 03/10/2020 là không bình thường, có dấu hiệu tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vi phạm Điều 122 và Điều 123 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bởi bà Nguyễn Thị M, anh Huỳnh Văn V là người vay mượn tiền của bà Phan Thị N nhằm mục đích trả nợ ngân hàng lấy giấy chứng nhận QSDĐ đã thế chấp. Giấy chứng nhận QSDĐ số 3643.QSDĐ/HD877273 thửa 240 tờ bản đồ số 2, diện tích 1030m² tại xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp ngày 22/4/1998 cho hộ ông Huỳnh Văn Đ đứng tên mà trong hộ có các thành viên Nguyễn Thị M- Huỳnh Văn V là người thiếu nợ tiền bà Phan Thị N. Nhưng sau khi có giấy chứng nhận QSDĐ bà M, anh V không lo trả nợ cho Bà N mà cùng ông Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Kim Chi E lập hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất cho Trần Thanh V , Huỳnh Thị Kim C là con ruột, con rể, chị ruột, anh rể trong gia đình và giá chuyển nhượng ghi trong hợp đồng chỉ có 150.000.000 đồng tương ứng với 145.631 đồng/ m², mà đất chuyển nhượng là tài sản duy nhất của gia đình, trong đó có phần tài sản của bà M và anh V là người trong hộ. Thế nhưng Tòa sơ thẩm không xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ và không hướng dẫn nguyên đơn yêu cầu thẩm định tại chỗ, định giá tài sản để chứng minh có hay không hành vi tẩu tán tài sản của bị đơn mới có đủ cơ sở giải quyết chính xác toàn diện vụ án.

Xét thấy những tình tiết này xuất phát từ lời khai của chị Huỳnh Thị Kim C tại phiên tòa phúc thẩm, cấp phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung thêm các tình tiết mới phát sinh kể trên được nên cần phải hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại để đảm bảo thủ tục xét xử hai cấp nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các đương sự theo luật định. Ngoài ra:

6. Về thủ tục tố tụng, Cấp sơ thẩm không có quyết định phân công HTND theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản phiên tòa ngày 30/8/2022 ghi tên chủ tọa phiên tòa là Thẩm phán Nguyễn Thanh Thúy nhưng cuối biên bản ký tên thẩm phán Nguyễn Ngọc Hồ.(BL 104)

Quyết định phân công Kiểm sát viên Lương Thị Trà My (BL 107) còn quyết định đưa vụ án ra xét xử, biên bản phiên tòa và bản án ghi tên Kiểm sát viên Trần Thị Phụng Tuyên (BL 92, 104, 113, 123) nhưng không có quyết định thay đổi Kiểm sát viên và cũng không giải thích lý do thay đổi Kiểm sát viên cho đương sự biết.

Tòa sơ thẩm thông báo thụ lý về yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn ngày 29/12/2020 (BL 46) nhưng mãi đến ngày 25/3/2022 mới ra thông báo công khai chứng cứ và hòa giải (BL 79).

7. Về nội dung:

Tòa sơ thẩm giải quyết không đúng yêu cầu của Bà N, phần quyết định mâu thuẫn với nhận định trong bản án: Án sơ thẩm nhận định Bà N yêu cầu bà M, anh V trả cho bà 200.000.000 đồng vốn vay và tiền lãi đóng cho anh H 48.000.000 đồng tổng cộng là 248.000.000 đồng là có cơ sở nên chấp nhận. Về tiền lãi, Tòa sơ thẩm nhận định Bà N yêu cầu tính lãi số tiền 248.000.000 đồng bằng 0,83%/ tháng từ ngày 05/10/2020 đến ngày xét xử là 23 tháng 15 ngày thành tiền 48.372.000 đồng cũng được chấp nhận nên buộc bà M, anh V trả cho Bà N tổng cộng 296.372.000 đồng (BL 121). Nhận định trên của án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với Điều 166, 280, 288 và Điều 357 của BLDS năm 2015.

Thế nhưng trong phần quyết định của bản án sơ thẩm lại buộc bà M, anh V có nghĩa vụ trả cho Bà N 342.686.400 đồng (Chênh lệch 46.294.400 đồng so với nhận định của án sơ thẩm nhưng không rõ vì sao có sự chênh lệch này). Quyết định của án sơ thẩm là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm Điều 5 BLTTDS.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị M cùng chịu với anh Huỳnh Văn V 17.134.320 đồng là chưa đúng với quy định của pháp luật, vượt quá nghĩa vụ chịu án phí như đã phân tích, nếu tính đúng chỉ bằng 14.818.600 đồng. Mặt khác, bà Nguyễn Thị M sinh năm 1957 là người cao tuổi, theo quy định tại Điều 2 luật người cao tuổi nên bà M được miễn nghĩa vụ chịu án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 nhưng tòa sơ thẩm vẫn buộc bà M chịu án phí là không đúng. Các sai sót này cấp sơ thẩm cần lưu ý khắc phục khi giải quyết lại vụ án.

Do phải Hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho TAND huyện C giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nên chưa xét đến yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị N. Do đó Bà N không phải chịu án phí DSPT.

Từ những nhận định trên nhận thấy ý kiến nhận xét và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án được ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 270, 293, khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 của BLTTDS.

Xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 402/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm đúng luật định.

2. Về án phí:

Bà Phan Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Trả lại bà Phan Thị N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020927 ngày 30/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Hoàng Khải

